

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức đợt học bổ sung vào buổi tối
học kỳ I năm học 2025-2026

Kính gửi: - Các Khoa, Viện, Bộ môn;
- Các phòng Tài chính-KT, CT-Công tác SV, TT-Khảo thí&ĐBCL, QTTB
- Các sinh viên thuộc Trường.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng nhu cầu của sinh viên, Nhà trường triển khai kế hoạch học - Đợt 5 Học kỳ I năm học 2025-2026 từ tuần 7 đến tuần 14 (ngày 06/10/2025 đến 29/11/2025). Đề nghị các khoa, viện, bộ môn liên quan và sinh viên thực hiện theo kế hoạch sau:

1. Thời khóa biểu:

- Căn cứ Thời khóa biểu (dự kiến), đề nghị các khoa, viện, bộ môn phân công giảng viên giảng dạy các học phần và gửi danh sách về phòng Đào tạo trước ngày 22/09/2025.
- Sinh viên có nguyện vọng học các học phần chưa có trong Thời khóa biểu dự kiến, cần nộp đơn xin mở lớp học phần tại Phòng Đào tạo (P.218 tầng 2 nhà F) trước ngày 22/09/2025.

2. Đăng ký, rút học phần:

- Sinh viên thực hiện đăng ký học phần (học buổi tối) tại cổng thông tin tin chỉ từ ngày 22/09/2025 - 24/09/2025. Sinh viên học vượt phải có xác nhận của Cố vấn học tập (để đảm bảo diện kiện tiên quyết của học phần) trước khi đăng ký. Sau khi đăng ký thành công, sinh viên cần lưu lại Phiếu đăng ký để đối chiếu trong trường hợp cần thiết.
- Ngày 25/09/2025 phòng Đào tạo rà soát số lượng sinh viên đăng ký lớp tín chỉ và giữ lại các lớp học phần đủ điều kiện, các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên đăng ký tối thiểu sẽ bị hủy theo quy định.
- Sinh viên căn cứ Thời khóa biểu lần 2 (đã được điều chỉnh và cố định) để thực hiện đóng học phí đầy đủ theo quy định. Các học phần sinh viên đã đăng ký sẽ được giữ nguyên và Hạn nộp học phí đến hết ngày 01/10/2025.
- Sinh viên có nguyện vọng đăng ký bổ sung các học phần thì phải làm xin đăng ký bổ sung nộp tại Phòng Đào tạo (P.218 tầng 2 nhà F) trước ngày 03/10/2025.

3. Tổ chức lớp:

- Ngày 25/09/2025, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu lần 2 (sau khi sinh viên đã đăng ký học phần).
- Ngày 03/10/2025, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu chính thức.
- Nộp học phí: Sinh viên thực hiện nộp học phí theo một trong các hình thức sau:
 - + Thanh toán học phí trực tuyến Online qua Website của Nhà trường;
 - + Chuyển khoản qua Mã định danh;

- + Thời gian thu: 26/9/2025 – 01/10/2025
- Số lượng sinh viên tối thiểu để tổ chức lớp:
 - + Các lớp học phần lý thuyết: 30 sinh viên;
 - + Các lớp học phần đồ án: 10 sinh viên.
- + Trường hợp đặc biệt, nếu sinh viên có nhu cầu mở lớp học phần có số lượng sinh viên ít hơn quy định, sinh viên phải làm *đơn xin mở lớp, cam kết nộp học phí đầy đủ* để trình Nhà trường xem xét, quyết định.
- Hình thức học: Học trực tiếp và trực tuyến
- Thời gian học: Tuần 07 đến tuần 14 (ngày 06/10/2025 đến 29/11/2025).
- Thời gian thi: Tuần 15 (ngày 01/12/2025 đến 05/12/2025).

Lưu ý:

- Từ sau ngày 03 tháng 10 năm 2025, sinh viên không được hủy học phần. Trường hợp sinh viên không nộp học phí, số tiền của các học phần đã đăng ký sẽ được tính vào học phí nợ của sinh viên và được truy thu vào đợt học tiếp theo. Trường hợp sinh viên đã nộp tiền mà không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học, sẽ phải nhận điểm F và không được rút học phí của học phần đã đăng ký.

- Các sinh viên **PHẢI** quản lý tài khoản của mình và thường xuyên cập nhật thông tin trên trang tin chỉ để tránh tình trạng bị lợi dụng tài khoản đăng ký học ảo. Sinh viên phải chịu trách nhiệm về tài khoản cá nhân của mình. Sinh viên đăng ký mà không nộp học phí sẽ bị kỷ luật theo quy định.

- Cố vấn học tập chịu trách nhiệm nhắc nhở, hướng dẫn và đôn đốc sinh viên thực hiện đúng thông báo này.

- Sinh viên download mẫu đơn theo đường link sau:

https://drive.google.com/drive/folders/16ABqj1d4qr8ZVqRnbEddo_g_JyPk_YJj

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Chủ tịch HĐ Trường;
- Các khoa/viện bậc đại học;
- Giảng viên, Sinh viên toàn trường
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG *Yem2*



K.P. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
S.KTS. Ngô Thị Kim Dung

THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN ĐỢT HỌC BỔ SUNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Thông báo số 611/TTB-ĐHKT-ĐH ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội)

Yem

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
1	XD3508.1	An toàn lao động	2	XD3508.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
2	DT1924	Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý	2	DT1924_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
3	KT0701.1	Cấu tạo kiến trúc 1	2	KT0701.1_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
4	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_BS1	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
5	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_BS2	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
6	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_BS1	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
7	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_BS2	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
8	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_BS1	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
9	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_BS2	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
10	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_BS1	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
11	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_BS2	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
12	XD3010	Cơ học môi trường liên tục	2	XD3010_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
13	QL5040.2	Đã định mức và đơn giá trong XD	2	QL5040.2_BS	6/10 13/10	30/11 30/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
14	QL4611	Đất đai và bất động sản	2	QL4611_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
15	QL5017.1	Đầu thầu trong xây dựng	2	QL5017.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
16	QL5024.1	Đầu tư, quản lý, sử dụng vốn trong doanh nghiệp	2	QL5024.1_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
17	XD3101	Địa chất công trình	2	XD3101_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
18	XD3302.2	Đồ án Kết cấu thép 1	2	XD3302.2_BS	6/10 6/10	30/11 23/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
19	XD3502.2	Đồ án kỹ thuật thi công 1	2	XD3502.2_BS	6/10 6/10	30/11 23/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
20	XD3503	Đồ án Kỹ thuật thi công 2	1	XD3503_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
21	XD3107.2	Đồ án Nền và móng	2	XD3107.2_BS	6/10 6/10	30/11 23/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
22	DT2004.2	Đồ án quy hoạch giao thông 1	2	DT2004.2_BS	6/10 6/10	23/11 30/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
23	XD3526	Đồ án tổ chức thi công	2	XD3526_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)



TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
24	DT2108.1	Hệ thống cấp nước	3	DT2108.1_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
25	DT1920	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật	2	DT1920_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
26	DT2108.2	Hệ thống thoát nước	3	DT2108.2_BS	6/10 6/10	16/11 16/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
27	KT0101	Hình học hoạ hình	2	KT0101_BS1	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
28	KT0101	Hình học hoạ hình	2	KT0101_BS2	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
29	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_BS1	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
30	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_BS2	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
31	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_BS3	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
32	TC2501	Hoá học đại cương	2	TC2501_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
33	QL5022	Hợp đồng trong xây dựng	2	QL5022_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
34	XD3203	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	XD3203_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
35	XD3220	Kết cấu bê tông cốt thép và gạch đá	3	XD3220_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
36	XD3301	Kết cấu thép 1	3	XD3301_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
37	XD3314.2	Kết cấu thép và liên hợp nhà cao tầng	2	XD3314.2_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
38	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
39	XD3501.1	Kỹ thuật thi công 1	2	XD3501.1_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
40	KT0402.1	Kiến trúc công trình	2	KT0402.1_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
41	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_BS1	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
42	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_BS2	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
43	QL5001.1	Kinh tế xây dựng 1	2	QL5001.1_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
44	QL5034.1	Lập và phân tích dự án xây dựng	2	QL5034.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
45	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_BS1	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
46	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_BS2	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
47	NT8619	Lịch sử nội thất	2	NT8619_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)

kem

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
48	QH1201.2	Lý thuyết quy hoạch đô thị 1	2	QH1201.2_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
49	QH1601.1	Lý thuyết thiết kế đô thị 1	2	QH1601.1_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
50	NM0209	Mĩ học	2	NM0209_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
51	XD3106	Nền và móng	3	XD3106_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
52	XD3011	Ổn định và động lực học công trình	2	XD3011_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
53	CT4102	Pháp luật đại cương	2	CT4102_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
54	QL4702	Pháp luật xây dựng	1	QL4702_BS	6/10	2/11		Thứ 4(T13-16)
55	NT82051	Thiết kế nội thất 5	3	NT82051_BS	6/10 6/10 27/10	30/11 30/11 30/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)Thứ 2(T13-16)
56	NM8212.1	Thiết kế sân vườn	2	NM8212.1_BS	6/10 6/10	23/11 16/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
57	KT0405	Thiết kế ý tưởng	2	KT0405_BS	6/10 6/10	30/11 30/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
58	DT2101	Thủy lực 1	2	DT2101_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
59	DT2102	Thủy lực 2	2	DT2102_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
60	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_BS(NK)	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)
61	NN3703	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703_BS(KT)	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
62	NN3703.3	Tiếng Anh Chuyên Ngành (CNTT)	2	NN3703.3_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
63	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
64	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
65	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
66	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
67	NN3803	Tiếng Pháp chuyên ngành	2	NN3803_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
68	NN3802	Tiếng Pháp P2	3	NN3802_BS	6/10 6/10	16/11 16/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
69	TH4301	Tin học đại cương	2	TH4301_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
70	TH4419	Tin học ứng dụng	2	TH4419_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
71	TH4431	Tin học ứng dụng ngành Kiến trúc 2	2	TH4431_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)

rem

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
72	XD3504.2	Tổ chức thi công	3	XD3504.2_BS	6/10 6/10	16/11 16/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
73	TC2603.1	Toán P1	2	TC2603.1_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
74	TC2604	Toán P2	3	TC2604_BS	6/10 6/10	16/11 16/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
75	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_BS1	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
76	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_BS2	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
77	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_BS	6/10 6/10	9/11 9/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
78	NM8022.2	Văn hóa Việt Nam.	2	NM8022.2_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
79	XD2828	Vật liệu xây dựng	3	XD2828_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
80	TC2704	Vật lý đại cương	2	TC2704_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
81	QH1501	Vật lý kiến trúc	2	QH1501_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
82	TC2702	Vật lý P2	2	TC2702_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
83	TC2606	Xác suất thống kê	2	TC2606_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)

Danh sách có 83 lớp học phần.